



Contact Methods
Mob: (86)18668768846
Tel: (86) 577 68668118
Wechat: zigpac123
Skype: bruce.chan1999
E-mail: bruce@zigpac.com
Whatsapp: +86-18668768846
Telegram: @Zigpacstickers

Company Info
Name: Wenzhou Zigpac Industry Limited
Address: No. 148-152, Building C, Jiangbin
Commercial and Residential Building, Longgang
City, Wenzhou City, Zhejiang 325802, China



YOUR CUSTOM PRINTING & PACKAGING PARTNER FOR SMALL AND MEDIUM BUSINESSES



Túi glassine tùy chỉnh cho bao bì hàng hóa in ấn

Product Image













Details

Tiêu đề SEO: Túi glassine tùy chỉnh cho bao bì hàng hóa in ấn Mô tả meta: Lên kế hoạch túi glassine tùy chỉnh cho hàng hóa, quà tặng và bao bì bán lẻ. So sánh kích thước, in ấn, kiểu đóng và kiểm tra mẫu trước khi yêu cầu báo giá.

Túi glassine tùy chỉnh kết hợp vẻ ngoài của giấy trong mờ với thương hiệu in cho hàng hóa và bao bì bên trong bán lẻ. Hãy quy định kích thước sử dụng, thiết kế và yêu cầu đóng gói dựa trên sản phẩm thực tế. Glassine không chống nước; tính phù hợp tiếp xúc thực phẩm, khả năng chống dầu mỡ và các tuyên bố môi trường cần có bằng chứng cho túi thành phẩm.

Sản phẩm: Túi giấy glassine in tùy chỉnh đựng hàng hóa

Danh mục: Túi giấy tùy chỉnh / Túi giấy đặc chủng tùy chỉnh

Phù hợp với các thương hiệu muốn sản phẩm trở thành một phần của cách trình bày. Hãy

cần nhắc dạng bao bì này cho văn phòng phẩm, phụ kiện, hàng quà tặng và bao bì bên trong của quần áo. Xà phòng, sáp thơm dạng tan chảy và sản phẩm bánh nướng cần kiểm tra tính tương thích bổ sung, vì dầu, độ ẩm và thời gian tiếp xúc có thể làm thay đổi kết quả. Hãy xác nhận mức độ phù hợp với sản phẩm thực tế trước khi phê duyệt túi.

Một chiếc túi có thể trông phù hợp trong ảnh nhưng lại gây thất vọng khi đóng gói: thẻ giấy mắc vào đường hàn, logo biến mất trên sản phẩm màu tối, hoặc phần đóng để lại quá ít không gian sử dụng. Những vấn đề này làm tăng thao tác xử lý và có thể khiến hàng thành phẩm không phù hợp với cách trình bày dự kiến.

Giải pháp thực tế là phê duyệt toàn bộ gói hoàn chỉnh — không chỉ giấy hoặc bản in thử trên màn hình. Hãy bắt đầu từ hàng hóa, thử một túi đại diện và liên kết mẫu đã phê duyệt với thông số kỹ thuật bằng văn bản. Kích thước, định lượng vật liệu, khả năng in, số lượng đặt hàng tối thiểu, giá và thời gian sản xuất cụ thể vẫn phải theo báo giá và xác nhận mẫu.



Khám phá thông số kỹ thuật bao bì của bạn

- [Điều gì khiến glassine khác với các túi giấy khác?](#)
- [Cách quy định độ vừa vặn và khả năng đọc sản phẩm?](#)
- [Phối hợp bề mặt và kiểu đóng theo công việc đóng gói](#)
- [Thiết kế cần được chuẩn bị thế nào để phê duyệt?](#)
- [Biến mẫu đã phê duyệt thành tài liệu tham chiếu sản xuất](#)
- [Những kiểm tra nào quan trọng trước khi nhận túi?](#)
- [Cần bằng chứng gì cho ứng dụng tiếp xúc thực phẩm?](#)
- [Giữ các tuyên bố môi trường cụ thể và có thể chứng minh](#)
- [Phương án bao bì nào phù hợp nhất với đơn mua của bạn?](#)
- [Các điểm chính để đưa ra quyết định mua hàng tốt hơn](#)
- [Xây dựng báo giá dựa trên gói hoàn chỉnh](#)

Điều gì khiến glassine khác với các túi giấy khác? [↑](#)

Glassine là loại giấy mịn, trong mờ, được tạo ra bằng quá trình xử lý sợi chuyên sâu và cán siêu bóng. Bề mặt đặc trưng của nó đến từ các sợi được nén chặt, không nhất thiết cần sáp. Sự khác biệt này quan trọng khi so sánh túi glassine với giấy sáp hoặc túi kraft có lớp lót glassine: các thuật ngữ tìm kiếm tương tự không mô tả cùng một cấu tạo.

Hãy xem đây là một lựa chọn cho bao bì bên trong, thay vì giả định rằng nó có thể thay thế mọi túi nhựa. EcoEnclose mô tả túi glassine của họ là chống ẩm chứ không chống nước, dùng cho bao bì bên trong chứ không phải bảo vệ chính khi vận chuyển. Đây là những giới hạn lựa chọn vật liệu^[1], không phải kết quả thử nghiệm cho sản phẩm này.

Yêu cầu ghi rõ cấu tạo để xuất: giấy nền, mọi xử lý bề mặt, in ấn, keo đường hàn và các thành phần đóng túi. Đừng suy ra rằng mọi túi được gọi là glassine đều không phủ, không sáp hoặc không có thành phần tổng hợp. Thông số kỹ thuật của túi thành phẩm hữu ích hơn một nhãn vật liệu chung chung.

Cách quy định độ vừa vặn và khả năng đọc sản phẩm? [↑](#)

Quy định chiều rộng và chiều cao lòng túi sử dụng được bằng milimét; nếu có, ghi riêng độ sâu hông xếp và chiều dài nắp. Phân biệt các số đo này với kích thước bên ngoài. Đường hàn dán, nếp gấp đáy và kiểu đóng có thể làm giảm không gian chứa sản phẩm, đặc biệt khi thẻ cứng hoặc hàng dẹt gấp gần bằng kích thước danh nghĩa của túi.

Hãy đo hàng hóa ở trạng thái đã đóng gói, bao gồm thẻ đỡ phía sau, mép gấp, nhãn và miếng lót bảo vệ nếu có. Sức chứa, tải trọng chịu được và số lượng sản phẩm vừa vặn phải được xác định dựa trên kích thước thực tế, cách xếp hàng và kiểm chứng bằng mẫu thử.

- **Cho sản phẩm vào túi:** Kiểm tra xem các góc có bị mắc hoặc đường hàn bên có bung trong quá trình đóng gói thông thường không.
- **Khoảng hở khi đóng:** Xác nhận nắp túi đóng được mà không ép sản phẩm hoặc kéo căng đường hàn.
- **Trình bày:** Quan sát túi đã chứa sản phẩm dưới ánh sáng sử dụng tại cửa hàng hoặc khu hoàn tất đơn hàng.
- **Khả năng đọc:** Kiểm tra mã vạch và máy quét thực tế nếu cần nhận dạng xuyên qua giấy.

Độ trong mờ không đảm bảo chữ nhỏ hoặc mã vạch vẫn đọc được qua túi. Màu sản phẩm, vẻ ngoài của giấy và việc in đều ảnh hưởng đến kết quả thị giác. Hãy phê duyệt cả mẫu rỗng lẫn mẫu đã chứa hàng để thông số bao bì phản ánh đúng cách khách hàng và nhân viên sẽ gấp sản phẩm.



Phối hợp bề mặt và kiểu đóng theo công việc đóng gói [↑](#)

Chọn kiểu miệng và kiểu đóng theo trình tự thao tác. Túi miệng mở có nhãn riêng, túi nắp gập và túi đóng bằng keo là những yêu cầu mua khác nhau. Cần xác nhận tính sẵn có của chúng cho sản phẩm này; không nên tự động mô tả dải keo là có thể đóng mở lại hoặc chống can thiệp.

Với dạng túi giấy này, các lựa chọn ở mặt sau liên quan là nắp, đường hàn và cách bố trí keo — không phải để phần cứng hoặc móc cài. Hãy yêu cầu mẫu hoặc bản vẽ mặt sau để thiết kế không cản trở phần mở, đóng hoặc vùng dán.

Tương tự, cần tách bề mặt giấy tự nhiên khỏi lớp cán hoặc xử lý hàn nhiệt bổ sung. Lớp phủ có thể thay đổi đặc tính hàn và các cân nhắc về thải bỏ. Đừng thêm nó chỉ để đưa ra tuyên bố chung chung về “bảo vệ tốt hơn”: hãy xác định lỗi cản ngăn ngừa rồi thử cấu tạo đề xuất. Hiệu năng đóng, khả năng mở lặp lại và tính phù hợp hàn nhiệt vẫn chờ xác nhận.



Thiết kế cần được chuẩn bị thế nào để phê duyệt? [↑](#)

Bắt đầu bằng thiết kế vector và phông chữ chuyển thành đường viền, sau đó đặt thiết kế lên khuôn túi đề xuất. Xác định các mặt in, màu sắc, vị trí logo và mọi thông tin mã vạch hoặc thao tác. Giữ các đường hàn, nếp gấp và vùng đóng hiển thị trên bản duyệt thay vì coi túi là một khung chữ nhật liền mạch.

Giới hạn in phụ thuộc vào quy trình sản xuất đã chọn. Ví dụ, theo hướng dẫn thiết kế in trên giấy glassine^[2] của EcoEnclose, độ phủ mực bị hạn chế và không được phủ nền toàn bộ hay in tràn mép. Những giới hạn này cho thấy vì sao thiết kế cần được rà soát riêng theo từng nhà cung cấp; hãy xác nhận giới hạn in cho đơn hàng của bạn.

Quy định màu thương hiệu theo mã tham chiếu và phê duyệt diện mạo của chúng trên loại giấy dự kiến. Bản in thử trên màn hình xác lập bố cục, không xác lập màu cuối cùng, độ trong mờ hoặc độ bám mực. Chữ đảo màu nhỏ và đồ họa chi tiết nên được đánh giá trên mẫu in vật lý trước khi trở thành đặc điểm thiết kế thiết yếu.

- Xác nhận bằng văn bản vùng có thể in và dung sai vị trí.
- Xem xét thiết kế với cả sản phẩm đại diện màu sáng và màu tối.
- Kiểm tra thông tin in sau khi gấp và đóng túi đã chứa hàng.
- Tách việc phê duyệt khả năng chống cọ xát khỏi mọi đánh giá tiếp xúc thực phẩm.

Chỉ riêng thuật ngữ mực gốc nước hoặc gốc dầu nành không xác lập tính phù hợp tiếp xúc thực phẩm. Nếu ứng dụng liên quan đến thực phẩm, mực đề xuất và cấu tạo thành phẩm cần có tài liệu hỗ trợ riêng. Đối với hàng hóa, hãy ưu tiên độ rõ nét, khả năng khô, chuyển mực và hiệu năng thao tác.



Biến mẫu đã phê duyệt thành tài liệu tham chiếu sản xuất [↑](#)

Gắn mỗi bước phê duyệt với một đầu ra có thể xác định, theo trình tự mua hàng sau đây.

1. **Xác định ứng dụng.** Ghi nhận sản phẩm chứa bên trong, thị trường đích, điều kiện xử lý và thời gian lưu kho dự kiến.
2. **Xác nhận thông số đề xuất.** Thống nhất kích thước, định lượng giấy theo g/m², cấu tạo, kiểu đóng và yêu cầu in.
3. **Phê duyệt thiết kế.** Lưu bản duyệt có ngày tháng, tham chiếu màu và các giới hạn vị trí đã thống nhất.
4. **Xác nhận mẫu đại diện.** Thử độ vừa vặn, cách trình bày và hiệu năng liên quan với sản phẩm thực tế.
5. **Phê duyệt thông số kỹ thuật sản xuất.** Liên kết đơn hàng với mẫu đã phê duyệt và tiêu chí chấp nhận.
6. **Xác nhận phương án xuất hàng.** Tách thời gian sản xuất khỏi thời gian vận chuyển và mọi thủ tục nhập khẩu.

Hãy hỏi phê duyệt nào sẽ bắt đầu tính thời gian sản xuất, và việc tìm nguồn nguyên liệu, phê duyệt màu đặc biệt hay mẫu chỉnh sửa có ảnh hưởng đến điều này không. Hạn gửi mẫu, ngày hoàn thành sản xuất và ngày giao hàng là ba cam kết khác nhau.

Mọi thay thế giấy, mực, keo hoặc kiểu đóng đều phải kích hoạt việc rà soát có mục tiêu đối với các yêu cầu bị ảnh hưởng. Gắn thông số kỹ thuật với một mẫu giúp ngăn thay đổi tương tự như nhỏ làm mất hiệu lực của độ vừa vặn, ngoại quan hoặc tài liệu hỗ trợ.



Những kiểm tra nào quan trọng trước khi nhận túi? [↑](#)

Thống nhất tiêu chí chấp nhận trước khi đặt hàng. Mô tả thế nào là túi không sử dụng được, lỗi ngoại quan và sai lệch chấp nhận được. Kèm ảnh khi các từ như “nhân”, “lệch” hoặc “hàn kém” có thể dẫn đến các cách hiểu khác nhau.

Hạng mục kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Ghi nhận để phê duyệt
Kích thước và độ vừa vặn	Đo không gian sử dụng được và đóng gói hàng hóa thực tế	Bản vẽ, dung sai đã thống nhất và ảnh mẫu đã chứa hàng
Đường hàn và phần mở	Tách các túi xếp chồng, mở ra và kiểm tra các vùng dán	Dính, rách, đường hàn hở và nhiễm bẩn keo
Ngoại quan in	So sánh với mẫu vật lý đã phê duyệt	Màu sắc, vị trí, khả năng đọc và các sai khác thấy được
Chuyển mực	Dùng các phép kiểm tra cọ xát và tiếp xúc khi xếp chồng đã thống nhất	Chuyển mực, lem và hư hại bề mặt
Tương thích sản phẩm	Giữ mẫu đã chứa hàng trong điều kiện sử dụng dự kiến	Ố màu, bám dính, mùi và tình trạng của sản phẩm chứa bên trong

Đây là các hạng mục kiểm tra đề xuất, không phải các thử nghiệm đã hoàn thành. Số lượng lấy mẫu, điều kiện thử và giới hạn đạt/không đạt phải được thống nhất cho đơn hàng. Đo định lượng giấy không thể thay thế việc đánh giá hiệu năng đường hàn hoặc kiểm tra tương thích của gói thành phẩm.

Đối với các cấp glassine phù hợp, TAPPI T 454^[3] cung cấp phép sàng lọc so sánh nhanh về sự thấm dầu hoặc mỡ. TAPPI nêu rõ phép sàng lọc này khác với thử nghiệm bằng sản phẩm cuối thực tế và lưu ý rằng các cấp có phủ hoặc xử lý bên trong có thể nằm ngoài phạm vi áp dụng.

Vì vậy, với sản phẩm chứa dầu, hãy kiểm tra túi đã chứa hàng trong suốt thời gian tiếp xúc dự kiến, bao gồm nếp gấp đáy và đường hàn. Hãy để phòng thí nghiệm chọn phương pháp phù hợp với cấu tạo thay vì yêu cầu chỉ số KIT chung chung làm bằng chứng cho mọi ứng dụng.



Cần bằng chứng gì cho ứng dụng tiếp xúc thực phẩm? [↑](#)

Hãy xác nhận túi thành phẩm phù hợp để tiếp xúc thực phẩm trước khi phê duyệt công dụng đó. Trước khi quy định tiếp xúc trực tiếp, cần xác định thực phẩm, đặc tính độ ẩm và chất béo của thực phẩm, nhiệt độ rót đầy và thời gian tiếp xúc. Việc đánh giá phải bao quát cấu tạo hoàn chỉnh, gồm giấy, mực in, chất kết dính và mọi lớp xử lý nếu có, chứ không chỉ riêng giấy nền chưa in.

Đối với ứng dụng tại Hoa Kỳ, [21 CFR 176.170^{\[4\]}](#) quy định các thành phần giấy và bì giấy dùng cho thực phẩm nước và thực phẩm béo. Điều kiện sử dụng và các điều khoản áp dụng là quan trọng; chỉ tên vật liệu không xác lập sự tuân thủ.

[21 CFR 176.180^{\[5\]}](#) quy định danh mục thực phẩm khô được chỉ định. Đừng phân loại sản phẩm chỉ dựa vào vẻ ngoài khô; thực phẩm dự kiến và điều kiện tiếp xúc cần phù hợp với tài liệu hỗ trợ.

Yêu cầu tuyên bố tuân thủ theo ứng dụng và các báo cáo hỗ trợ liên quan trước khi phê duyệt cách diễn đạt về tiếp xúc thực phẩm. Hiệu năng chống dầu mỡ và tuân thủ tiếp xúc thực phẩm trả lời các câu hỏi khác nhau. Cả hai không xác lập hạn sử dụng, độ kín khí hoặc độ phù hợp khi gia nhiệt. Các ứng dụng dùng lò nướng, lò vi sóng, có chất lỏng hoặc dễ ngưng tụ nằm ngoài mục đích sử dụng để xuất trừ khi được xác nhận riêng.

Giữ các tuyên bố môi trường cụ thể và có thể chứng minh [↑](#)

Tách riêng nguồn gốc sợi giấy khỏi các tuyên bố về việc thải bỏ. [Nhãn FSC^{\[6\]}](#) liên quan đến nguồn nguyên liệu đủ điều kiện; nhãn này không chứng minh sự tuân thủ tiếp xúc thực phẩm, khả năng chống dầu mỡ hay khả năng phân hủy khi ủ compost. Chỉ sử dụng công bố FSC khi có tài liệu hỗ trợ cho đơn hàng.

Đối với khả năng ủ phân, hãy đánh giá toàn bộ túi, bao gồm mực và keo. [Hướng dẫn của FTC về tuyên bố có thể ủ phân^{\[7\]}](#) yêu cầu bằng chứng khoa học đáng tin cậy và các điều kiện giới hạn phù hợp. Khả năng ủ phân công nghiệp không xác lập khả năng ủ phân tại nhà.

Tương tự, tránh sử dụng nhãn phân hủy sinh học không có bằng chứng. [Hướng dẫn của FTC về tuyên bố phân hủy^{\[8\]}](#) xem xét các điều kiện thải bỏ thông thường. Đối với hướng dẫn tái chế, hãy xác nhận cấu tạo thành phẩm và khả năng tiếp nhận tại địa phương, bao gồm các hạn chế với bao bì dính thực phẩm.

Phương án bao bì nào phù hợp nhất với đơn mua của bạn? [↑](#)

So sánh các sản phẩm tương đương. Túi tởn kho chưa in, túi glassine in cho hàng hóa và túi thực phẩm kraft lót glassine giải quyết các vấn đề khác nhau. Giá thấp của gói túi tởn kho không phải là chuẩn so sánh có ý nghĩa cho kích thước tùy chỉnh có thiết kế đã phê duyệt và thử nghiệm bổ sung.

Phương án bao bì	Lý do cân nhắc	Hạn chế khi mua
Túi glassine in cho hàng hóa	Trình bày bằng giấy trong mờ với thương hiệu in trên túi	Cần xác nhận độ vừa vặn, giới hạn in và tính tương thích sản phẩm
Túi glassine trơn có nhãn riêng	Cho phép đánh giá thương hiệu tách biệt với túi	Tăng công đoạn dán nhãn; cần xem xét tính tương thích của keo và việc thải bỏ
Túi kraft lót glassine	Kết hợp mặt ngoài kraft với lớp glassine bên trong	Không tương đương túi hoàn toàn bằng glassine trong mờ
Túi giấy sấp	Dùng xử lý bề mặt thay vì chỉ dựa vào cấu trúc sợi	Đặc tính khi gia nhiệt và yêu cầu thải bỏ cần được đánh giá riêng
Túi nhựa trong suốt	Một phương án so sánh khi khả năng nhìn thấy hoặc chống ẩm là yếu tố quyết định	Không phải giải pháp giấy; khả năng bảo vệ vẫn phụ thuộc vào màng và thông số kiểu đóng

Hãy chọn theo rủi ro không thể chấp nhận: che khuất hàng hóa, ố dầu, tiếp xúc độ ẩm, đóng gói chậm hoặc tởn kho quá mức. Không có vật liệu nào luôn tốt nhất, bất kể ứng dụng. Với sản phẩm nhạy cảm, hãy so sánh hệ thống bao bì hoàn chỉnh thay vì từng mẫu túi riêng lẻ.

So sánh tổng chi phí đơn hàng

Yêu cầu bảng phân tích bao gồm túi, phí thiết kế hoặc thiết lập, mẫu, thử nghiệm khi cần, đóng gói và cước vận chuyển. Bao gồm phí nhập khẩu nếu áp dụng và xác định các khoản không bao gồm. Độ phức tạp in, lựa chọn vật liệu, kích thước và số lượng đặt hàng cần nhất quán giữa các báo giá cạnh tranh.

Hãy yêu cầu rõ số lượng đặt hàng tối thiểu, thời gian sản xuất và trọng lượng đơn vị, cùng với giá theo số lượng và sự kiện phê duyệt bắt đầu sản xuất.

Bảo vệ cách trình bày khi vận chuyển và đặt lại hàng

Quy định cách bảo vệ túi phẳng khỏi bị nén, hư hại cạnh và độ ẩm trong quá trình giao hàng. Hỏi xem thùng carton và tấm bảo vệ có phù hợp cho lô hàng không, đồng thời thống nhất cách ghi nhận hư hại khi nhận. Gói giao hàng cần bảo vệ chính các túi, không chỉ giữ chúng lại với nhau.



Với đơn hàng lặp lại, hãy lưu túi đã phê duyệt, phiên bản thiết kế, thông số kỹ thuật và thông tin lô hàng. So sánh hàng nhận về với tài liệu tham chiếu đó về ngoại quan, độ vừa vặn, kiểu đóng và in ấn. Xác nhận các thay đổi về vật liệu hoặc nhà cung cấp trước khi coi lô mới là tương đương.

Giữ mẫu lưu khô ráo và tránh bị nghiền ép để chúng vẫn hữu ích làm mẫu so sánh. Nếu sản phẩm chứa bên trong thay đổi — như thẻ lót dày hơn hoặc công thức xà phòng khác — hãy lặp lại kiểm tra độ vừa vặn hoặc tương thích liên quan thay vì cho rằng phê duyệt trước đó vẫn áp dụng.

Các điểm chính để đưa ra quyết định mua hàng tốt hơn [↑](#)

- **Độ vừa vặn thuộc về gói đã chứa hàng.** Phê duyệt kích thước sử dụng, khoảng hở khi đóng và cấu hình xếp hàng thực tế.
- **Ngoại quan giấy không chứng minh hiệu năng.** Đánh giá riêng việc in, đường hàn và tính tương thích sản phẩm.
- **Tuyên bố tái chế phụ thuộc vào khả năng tiếp cận cơ sở phù hợp.** — FTC yêu cầu kèm điều kiện giới hạn khi mức tiếp cận của người tiêu dùng hoặc cộng đồng tại nơi bán sản phẩm thấp hơn 60 % ([Nguồn^{\[9\]}](#)).
- **Điều khoản đặt hàng cần được xác nhận theo từng sản phẩm.** Xác nhận MOQ, thời gian sản xuất, trọng lượng đơn vị và kết quả kiểm tra liên quan cho đơn hàng.

Xây dựng báo giá dựa trên gói hoàn chỉnh [↑](#)

Điểm khởi đầu tốt nhất là mô tả rõ túi phải làm gì: trình bày hàng hóa, vừa vặn mà không gây hư hại, mang thương hiệu dễ đọc và chịu được thao tác dự kiến. Từ đó, mẫu và thông số kỹ thuật có thể xác lập liệu glassine có phải là lựa chọn phù hợp hay không.

Hãy yêu cầu báo giá kèm kích thước sản phẩm, ảnh sản phẩm đã đóng gói, số lượng, thiết kế in, cách đóng miệng túi mong muốn, nơi đến và ngày hàng cần có mặt. Hãy nêu các yêu cầu về hồ sơ tiếp xúc thực phẩm hoặc hồ sơ môi trường nếu có liên quan, để cấu tạo đề xuất và công việc kiểm chứng có thể được đánh giá cùng lúc.

^[1]Giới hạn của giấy glassine: tài liệu hướng dẫn sản phẩm của EcoEnclose mô tả giới hạn về cấu tạo và ứng dụng của chính hãng, chứ không phải hiệu năng đã được kiểm chứng cho đơn hàng của bạn. [↵](#)

^[2]Yêu cầu thiết kế: Các hạn chế in của EcoEnclose minh họa quy trình phê duyệt riêng theo nhà cung cấp. [↵](#)

^[3]Sàng lọc TAPPI: Phương pháp này là sàng lọc sơ bộ và không thay thế thử nghiệm với sản phẩm thực tế. [↵](#)

^[4]Tiếp xúc thực phẩm nước và béo: Các yêu cầu áp dụng phụ thuộc vào thành phần và mục đích sử dụng. [↵](#)

^[5]Tiếp xúc thực phẩm khô: Quy định áp dụng cho danh mục thực phẩm khô được chỉ định, không phải mọi thực phẩm được mô tả thương mại là khô. [↵](#)

^[6]Nhãn FSC: Bằng chứng về nguồn gốc sợi khác với bằng chứng về hiệu năng và tiếp xúc thực phẩm. [↵](#)

^[7]Tuyên bố có thể ủ phân: Bằng chứng phải bao quát mọi vật liệu và các điều kiện ủ phân liên quan. [↵](#)

^[8]Tuyên bố phân hủy: Tuyên bố phải tính đến các điều kiện thải bỏ thông thường. [↵](#)

^[9]Tuyên bố tái chế: Ngưỡng của FTC liên quan đến khả năng tiếp cận cơ sở, không phải tỷ lệ tái chế đo được. [↵](#)

Product Option